

Bản án số: 258/2025/HS-ST

Ngày: 22-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Hòa
2. Ông Trần Hữu Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Kiểm sát viên Lê Hoàng Di Linh và Kiểm sát viên Bùi Thị Hương Liễu.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 321/2025/HSST ngày 18 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2328/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2025 đối với:

- Các bị cáo:

1. Nguyễn Viết V, giới tính: Nam; sinh ngày 13/3/1995 tại Nghệ An; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Nguyễn Viết Đ và con bà Hoàng Thị H; Hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ, có 03 người con (con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh ngày 21/10/2024); Tiền án, tiền sự: không;

*** Nhân thân:**

- Ngày 24/8/2015, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/6/2016, theo Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số 265/GCN. Kết quả xác minh thi hành án dân sự đối với phần án phí sơ thẩm, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương chưa thụ lý thi

hành đối với bản án nêu trên. Kết quả ghi lời khai Nguyễn Viết V, V khai đã thi hành xong (nhưng không giữ biên lai) nên trong quá trình thi hành án phạt tù, V được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

- Ngày 05/6/2019, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” (theo Bản án 141//2029/HSST ngày 05/6/2019). Qua xác minh, bị cáo đã thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm.

- Ngày 12/11/2019, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 01 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tổng hợp hình phạt Bản án số 141/2019/HSST ngày 05/6/2019 buộc Nguyễn Viết V chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 02 năm 06 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/12/2021 theo Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số 1630/GCN. Qua xác minh, bị cáo đã thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/10/2024 (có mặt).

2. Tô Hữu Đ1, giới tính: Nam; sinh ngày 03/02/1990 tại Nghệ An; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 158/35/2/11 Tổ H đường V, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Chỗ ở trước khi bị bắt: 35/15 khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Tô Hữu T và con bà Nguyễn Thị S; Hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ, có 02 người con (sinh năm 2019 và năm 2022); Tiền sự: không;

** Tiền án:*

Ngày 14/01/2013, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tuyên án 01 năm 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (theo Bản án số 14/HSST). Đến ngày 25/2/2014, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Qua xác minh, Tô Hữu Đ1 chưa bồi thường cho bị hại Cao Thanh H1 số tiền 17.935.500 đồng.

* Nhân thân: Ngày 30/11/2010, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An tuyên án 09 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Đến ngày 10/06/2011, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/10/2024 (có mặt).

- Các bị hại:

1. Ông Nguyễn Tuấn T1, sinh năm 2000; HKTT: thôn Đ5, xã N5, huyện T5, tỉnh Quảng Ngãi; Chỗ ở: Số I1 Đường số I5, phường H5, thành phố T5, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Ông Trần Võ Nhựt S1, sinh năm 2001; HKTT: khu phố T4, phường H4, thị xã H, tỉnh Bình Định; Chỗ ở: Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Bà Võ Thị Diễm M, sinh năm 2006; HKTT: ấp K, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh; Chỗ ở: Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

4. Bà Trần Thùy D, sinh năm 2005; HKTT: 31 T, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định; Chỗ ở: Phường H, Quận D5, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

5. Ông Lê Anh K, sinh năm 2003; HKTT: 166/5 K6, phường B6, thành phố T6, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

6. Ông Lê Bảo L1, sinh năm 1998; HKTT: xã P, huyện P, tỉnh An Giang; Chỗ ở: 4 X, Phường B9, quận B8, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Hữu Đ2, sinh năm 1987; HKTT: xóm L, xã L, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; Chỗ ở: nhà trọ số E, đường E1, phường E2, thành phố D9, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Vĩnh L2, sinh năm 1988; HKTT: xã Đ, huyện T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

3. Bà Tạ Thị H2, sinh năm 2002; HKTT: Xóm A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An; Chỗ ở: D Đ, Phường A, quận B8, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

4. Ông Lê Văn T2, sinh năm 1972; HKTT: Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 6 Đ, Phường A, quận B8, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

5. Bà Trần Thị Cẩm D1, sinh năm 1988; HKTT: phường L10, thành phố D9, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

6. Bà Nguyễn Ngọc M1, sinh năm 2000; HKTT: xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Viết V và Tô Hữu Đ1 có mối quan hệ quen biết, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên V và Đ1 bàn bạc với nhau đi đến các phòng trọ có nhiều xe máy và chủ tài sản sơ hở trong việc quản lý để lấy trộm xe để bán lấy tiền tiêu xài. V là người chuẩn bị phương tiện chở Đ1 đi trộm, khi đến nơi thì V sẽ đứng ngoài cảnh giới, còn Đ1 là người trực tiếp tiếp cận và dùng đoạn bẻ khóa để

trộm cắp xe. Sau khi trộm được thì V sẽ là người liên hệ bán xe trộm được và số tiền bán được sẽ chia đều cho V, Đ1.

Trong khoảng thời gian từ tháng giữa tháng 9 đến giữa tháng 10/2024, cả V và Đ1 đã thực hiện 06 (sáu) vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

- **Vụ thứ 1:** Ngày 16/9/2024, Tô Hữu Đ1 gọi điện thoại rủ Nguyễn Viết V đi trộm cắp tài sản thì V đồng ý. Vào khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày 16/9/2024, V điều khiển xe máy hiệu Jupiter màu xám, gắn biển số giả 61G1-XXX đến đầu hẻm C khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương đón Đ1 và chở Đ1 qua nhiều tuyến đường tìm kiếm xe máy để trộm, khi đến nhà trọ số I Đường số D, Khu phố B, phường H, thành phố T6, Thành phố Hồ Chí Minh, thấy cửa nhà trọ mở, V đứng ngoài cảnh giới, còn Đ1 vào trong lấy trộm xe máy hiệu Honda Future Fi 125, màu xanh đen, biển số 76E1-XX của anh Nguyễn Tuấn T1 (sinh năm 2000; nơi cư trú: 9 Đường số D, khu phố B, phường H, thành phố T6, Thành phố Hồ Chí Minh), rồi cả hai tẩu thoát. V gọi điện thoại cho đối tượng N (không rõ nhân thân, lai lịch) qua số điện thoại 0368.207.206 để thỏa thuận bán xe vừa trộm được với giá 5.000.000 đồng. V, Đ1 đã giao xe cho người phụ nữ do đối tượng N cử đến tại đầu đường số F, giao Q, phường H, thành phố T6 và nhận 5.000.000 đồng (V và Đ1 chia nhau mỗi người được hưởng 2.500.000 đồng).

Xác minh xe mất trộm biển số 76E1-XX là xe hiệu Honda Future Fi 125 màu xanh đen, có số máy JC90E0524032, số khung RLHJC7659PY174118, do anh Nguyễn Tuấn T1 là chủ sở hữu. *Kết luận định giá tài sản số 66-KV3/KL-HĐĐGTS ngày 31/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc thành phố T kết luận: xe mô tô hiệu Honda Future Fi 125 màu xanh đen, biển số 76E1-727.35, trị giá 22.167.000 đồng (bút lục số 459).*

Phương tiện các bị can sử dụng để đi trộm cắp là xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter màu xám, V mượn của Lê Hữu Đ2 (sinh năm 1987; thường trú tại xóm L, xã L, huyện Đ, tỉnh Nghệ An), khi đi trộm cắp, V gắn biển số 61G1-XXX (biển số thật là 89F1-YY). Kết quả xác minh xe mô tô 89F1-YY do anh Phạm Văn V1 đứng tên thay ông Phạm Đình V2, ông V2 đã bán xe trên cho cửa hàng xe gắn máy tại thành phố D, Bình Dương. Lê Hữu Đ2 mua lại từ cửa hàng xe máy Thanh Đ với giá 20.000.000 đồng (có hóa đơn nhưng chưa làm thủ tục sang tên). Khi mượn xe để sử dụng, V không nói mục đích sử dụng xe đi trộm cắp tài sản cho Lê Hữu Đ2 biết.

Kết quả xác minh biển số 61G1-XXX đăng ký xe máy hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, số khung RLCS5C6K0DY131240, số máy 5C6K131255 do chị Phạm Thị D2 đứng tên, chị D2 đã bán xe máy trên cho một cửa hàng xe máy trên địa bàn thành phố B, tỉnh Bình Dương.

- **Vụ thứ 2:** Ngày 23/9/2024, Tô Hữu Đ1 tiếp tục rủ Nguyễn Viết V hôm sau đi trộm cắp xe gắn máy, V đồng ý. Khoảng 05 giờ sáng ngày 24/9/2024, V điều khiển xe Honda Blade màu đen, gắn biển số 70K1-OO đến nhà của Đ1 tại 3 khu phố Đ, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương để chờ Đ1 đi trộm cắp tài sản. Khi V chờ Đ1 đi đến nhà trọ địa chỉ 5 N, Phường E, quận G thì thấy anh Nguyễn Quang T3 và anh Nguyễn Đặng Minh T4 đang dắt xe ra để đi học nên V điều khiển xe chờ Đ1 tới và Đ1 đến nói “*Để anh đóng cửa cho*”, nghĩ là người ở trong khu nhà trọ nên T3 và T4 để cửa rồi đi học. Lúc này, V đứng bên ngoài cánh giới còn Đ1 đi bộ vào trong lấy trộm xe gắn máy hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen, biển số 77C1-UUU của anh Trần Võ Nhựt S1 (sinh năm 2001; nơi ở: P, nhà trọ số E N, Phường E, quận G), dắt ra ngoài, rồi cả hai tẩu thoát. Sau khi lấy trộm được xe, V gọi điện thoại cho N (không rõ nhân thân, lai lịch), thỏa thuận bán xe 77C1-UUU giá 4.000.000 đồng, nên cả hai chạy xe đến công viên đối diện số F Đ, Phường A, quận B giao xe cho một nam thanh niên và nhận 4.000.000 đồng (V và Đ1 chia nhau mỗi người được hưởng 2.000.000 đồng).

Xác minh xe mất trộm mang biển số 77C1-UUU là xe máy hiệu Honda Wave RSX FI, có số máy JA52E0499600, số khung RLHJA3857NY157469 do chị Trần Võ Như Q (em ruột anh Trần Võ Nhựt S1) đứng tên đăng ký. Sau khi mua xe vào năm 2023, chị Q giao cho anh S1 sử dụng. *Kết luận định giá tài sản số 227/KL-HĐĐGTS ngày 24/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận G, kết luận: xe mô tô hiệu Honda Wave RSX FI, biển số 77C1-UUU, trị giá 15.766.677 đồng (bút lục số 524).*

Phương tiện các bị can sử dụng để đi trộm cắp là xe máy Honda Blade gắn biển số 70K1-362.52, biển số đúng là 85D1- MM do anh Phan Tuấn V3 (sinh năm 1995, thường trú tại T, P, N, Ninh Thuận) đứng tên chủ sở hữu. Anh V3 cho biết anh đứng tên đăng ký thay cho em họ là Nguyễn Văn B1 (sinh năm 1996, thường trú tại T, P, N, Ninh Thuận), anh B1 đã bán xe máy này cho cửa hàng xe máy ở thành phố D, Bình Dương, hiện không nhớ thông tin cửa hàng, không còn giữ giấy tờ mua bán. V khai mua lại chiếc xe này của Nguyễn Vĩnh L2 (sinh năm 1988, thường trú xóm Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Nghệ An). Kết quả làm việc, L2 khai chiếc xe trên do L2 mua trả góp của cửa hàng xe máy Q, thành phố D, Bình Dương (đã trả góp được 10.000.000 đồng) sau đó bán lại cho V. Kết quả làm việc, chủ cửa hàng Q2 khai không nhớ có bán xe máy trên cho L2 hay không, không còn lưu giấy tờ mua bán xe. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an TP. HCM đã đăng báo Công an TP. HCM nhưng đến nay chưa có ai đến làm việc.

Xác minh biển số 70K1-OO đăng ký xe cho xe máy Honda Vision màu trắng, số khung RLHJF5803EY623416, số máy JF58E0509223 do chị Nguyễn Thị Thùy D3 đứng tên, chị D3 đang sử dụng bình thường, không mất biển số.

- **Vụ thứ 3:** Vào lúc 05 giờ 30 phút cùng ngày 24/9/2024, sau khi bán chiếc xe Honda Wave RSX biển số 77C1-UUU vừa trộm được, V và Đ1 tiếp tục quay lại nhà trọ địa chỉ E N, Phường E, quận G, thấy cửa nhà trọ mở nên V chạy thẳng vào trong thì thấy chị Nguyễn Ngọc Minh N1 đang dắt xe ra đi học, nghĩ rằng V và Đ1 là người trong khu nhà trọ nên chị N1 không đóng cửa nhà trọ mà đi học luôn. Sau đó, V quay đầu xe ra trước, còn Đ1 đi bộ vào khu vực để xe của khu nhà trọ dùng đoạn bẻ khóa cổ xe gắn máy hiệu Honda Wave màu đỏ, biển số 70D1-PP của chị Võ Thị Diễm M (sinh năm 2006; địa chỉ: nhà T N, Phường E, quận G), dắt xe ra ngoài rồi cả hai tẩu thoát. Sau khi lấy trộm xong, V gọi điện thoại cho N (không rõ nhân thân, lai lịch) thỏa thuận bán xe 70D1-PP giá 6.000.000 đồng nên V và Đ1 điều khiển xe đến công viên đối diện số F Đ, Phường A, quận B giao xe cho một nam thanh niên và nhận 6.000.000 đồng (V và Đ1 chia nhau mỗi người được hưởng 3.000.000 đồng).

Xác minh xe mất trộm mang biển số 70D1-PP là xe máy hiệu Honda Wave màu đỏ, số máy JA39E2759389, số khung RLHJA3926NY262444 do ông Huỳnh Văn D4 đứng tên. Ông D4 mua vào năm 2022, sau đó giao cho con gái riêng của vợ là Võ Thị Diễm M sử dụng đi học. *Kết luận định giá tài sản số 226/KL-HĐĐGTS ngày 24/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận G kết luận: xe mô tô hiệu Honda Wave màu đỏ, biển số 70D1-PP trị giá 14.333.333 đồng (bút lục số 595).*

- **Vụ thứ 4:** Khoảng 06 giờ 20 phút ngày 24/9/2024, sau khi bán xe Honda Wave biển số 70D1-PP vừa trộm được nêu trên, V rủ Đ1 tiếp tục đi trộm xe thì Đ1 đồng ý và khi đến trước địa chỉ D đường Đ, Phường A, quận B thì thấy cửa nhà trọ mở, chị Tạ Thị H2 đang dắt xe máy ra đi làm, thì V chạy xe tới, Đ1 nói “*Để anh đóng cửa cho*”, nghĩ rằng V và Đ1 là người ở chung nhà trọ nên chị H2 không đóng cửa. V đứng ngoài cánh giới, Đ1 đi vào dùng đoạn bẻ khóa cổ xe, lấy trộm xe gắn máy hiệu Honda Blade màu đỏ đen, biển số 59S3-RR của chị Trần Thùy D (sinh năm: 2005; nơi ở: nhà trọ số D đường Đ, Phường A, quận B) rồi tẩu thoát. Sau đó, V gọi điện cho N (không rõ nhân thân, lai lịch) thỏa thuận bán xe 59S3-RR với giá 4.000.000 đồng nên V và Đ1 chạy xe trộm được đến địa điểm tại H, gần Long An (không nhớ địa chỉ) thì có một nam thanh niên đến nhận xe và đưa cho V 4.000.000 đồng (V và Đ1 chia nhau mỗi người được hưởng 2.000.000 đồng).

Xác minh xe mất trộm mang biển số 59S3-RR là xe gắn máy hiệu Honda Blade, số máy: JA36E0748092, số khung: RLHJA3655KY008178, do bà Trần Thị Ngọc M2 đứng tên. Bà M2 mua xe máy trên vào năm 2019, sau đó đến khoảng tháng 10/2023 bán lại cho cửa hàng xe máy Thanh H1 do ông Trần Thanh H3 làm chủ với giá 11.000.000 đồng. Sau đó, ông H3 bán cho anh Trần Đăng Q1 với giá 12.500.000 đồng. Ông Q1 giao xe cho em gái là Trần Thùy D sử dụng. *Kết luận định giá tài sản số 301/KLĐGTS-TCKH ngày 22/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự quận B, kết luận:*

xe mô tô hiệu Honda Blade, biển số 59S3-RR trị giá 11.000.000 đồng (bút lục số 671).

- **Vụ thứ 5:** Khoảng 18 giờ 50 phút ngày 12/10/2024, Đ1 rủ V đi trộm xe thì V đồng ý. V điều khiển xe hiệu Honda Air Blade, (gắn biển số giả, không rõ biển số) chở Đ1 ngồi sau đi tìm nhà trọ sơ hở để trộm xe và khi đến nhà trọ địa chỉ 6 Đ, Phường A, quận B, thấy cửa mở, chị Lý Nguyễn Mỹ N2 cùng anh Lê Anh K đang đứng trước cửa thì V chạy xe tới, Đ1 nói “*Để anh đóng cửa cho*”, nghĩ rằng V và Đ1 là người ở nhà trọ nên N2 không đóng cửa. Sau đó, V đứng ngoài cánh giới, Đ1 vào trong lấy trộm xe máy hiệu Honda Wave Alpha màu xanh, biển số 59X3-QQ của anh Lê Anh K (sinh năm 2003; thường trú tại: 1 Đ, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh) rồi tẩu thoát. Sau khi trộm được xe, V gọi điện thoại cho N (không rõ nhân thân, lai lịch) thỏa thuận bán xe máy 59X3-QQ với giá 4.000.000 đồng và giao xe trước địa chỉ 2/9 K, Khu phố D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh cho một thanh niên (Đ1 và V mỗi người chia 2.000.000 đồng).

Xác minh xe máy mất trộm biển số 59X3-QQ là xe hiệu Honda Wave Alpha màu xanh, có số máy: JA39E2481074, số khung: RLHJA3929MY455878 do anh Lê Anh K đứng tên. *Kết luận định giá tài sản số 302/KLDGTS-TCKH ngày 22/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự quận B, kết luận: xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha màu xanh, biển số 59X3-QQ trị giá 13.000.000 đồng (bút lục số 723).*

Phương tiện các bị can sử dụng để đi trộm cắp là xe Honda Airblade màu đỏ, V khai đây là xe có biển số đúng là 37K2-QQQ do Nguyễn Việt V đứng tên. Khi sử dụng xe này đi trộm Việt gắn biển số giả, sau khi trộm xong đã rút bỏ biển số giả nên không nhớ được số.

- **Vụ thứ 6:** Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 13/10/2024, V rủ Đ1 đi trộm xe thì Đ1 đồng ý. V điều khiển xe Honda Vision màu xám (không nhớ biển số) đến nhà trọ đón Đ1 (đội nón bảo hiểm, mặc áo mưa dạng áo mưa giấy, trong suốt) để đi tìm nhà trọ có tài sản sơ hở trộm cắp. Khi đến địa chỉ 4 X, Phường B, quận B thì thấy cửa mở, ông Nguyễn Văn B1 đi làm về, đang đóng cửa nhà trọ, thì V chạy xe tới, Đ1 nói “*Để cháu đóng cửa cho*”, nghĩ rằng V và Đ1 là người trong nhà trọ nên ông B1 không đóng cửa mà lên phòng nghỉ ngơi. V đứng ngoài cánh giới, Đ1 vào trong, sau đó lại đi ra đổi chỗ để V vào lấy trộm xe máy hiệu Honda Vario màu đen, biển số 67K1-YY của anh Lê Bảo L1 (sinh năm: 1998; chỗ ở: 4 X, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) dắt ra ngoài để Đ1 chạy, rồi cả hai tẩu thoát. Sau khi trộm được xe, V gọi điện thoại cho N (không rõ nhân thân, lai lịch) thỏa thuận bán xe 67K1-YY với giá 7.000.000 đồng, giao xe tại trước địa chỉ 2 K, Khu phố D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh cho một thanh niên và nhận tiền (Đ1 và V chia nhau mỗi người 3.500.000 đồng).

Xác minh xe mất trộm biển số 67K1-YY là xe máy hiệu Honda Vario màu đen, có số máy: JM51E1644993, số khung: MH1JM5111LK645384 do anh Lê Bảo L1 đứng tên chủ sở hữu, anh L1 yêu cầu bồi thường số tiền 29.000.000 đồng. *Kết luận định giá tài sản số 303/KLĐGTS-TCKH ngày 22/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự quận B, kết luận: xe mô tô hiệu Honda Vario màu đen, biển số 67K1-YY trị giá 29.000.000 đồng.*

Phương tiện các bị can sử dụng để đi trộm cắp là xe Honda Vision màu xám, V khai đây là xe có biển số đúng là 61C2-YYY do bà Trần Thị Cẩm D1 (sinh năm 1988, thường trú tại C, B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương) đứng tên. Tuy nhiên, bà D1 không có mặt tại nơi thường trú, không rõ đang ở đâu. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố T5 đã đăng báo nhưng đến nay chị D1 hoặc chủ sở hữu xe chưa đến làm việc.

Nguyễn Viết V khai xe máy này là của em ruột V tên Nguyễn Ngọc M1 (sinh năm: 2000, thường trú: Xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An) giao cho V sử dụng. Chị Nguyễn Ngọc M1 cho biết: vào tháng 5/2022, chị M1 mua xe máy biển số: 61C2-YYY của một người đàn ông (không còn lưu thông tin, lai lịch) tại tỉnh Bình Dương với giá trị khoảng 20.000.000 đồng, chưa làm thủ tục sang tên, đến tháng 2/2023 chị M1 về quê sinh sống nên đã để lại xe máy trên cho Nguyễn Viết V sử dụng, chị M1 không biết V sử dụng xe đi trộm cắp tài sản.

Khi sử dụng xe này đi trộm Viết gắn biển số giả, sau khi trộm xong đã vứt bỏ biển số giả nên không nhớ được số.

Đến ngày 20/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố T5 phối hợp với Công an phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương tiến hành kiểm tra hành chính và mời Nguyễn Viết V và Tô Hữu Đ1 về trụ sở Công an Thành phố T5 để làm việc.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Viết V và Tô Hữu Đ1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị can phù hợp với lời khai bị hại, lời khai nhân chứng, dữ liệu camera ghi nhận hiện trường nơi các bị can thực hiện hành vi phạm tội cùng tài liệu chứng cứ thu thập được nêu trên

Tại Bản cáo trạng số 261/CT-VKS-P2 ngày 17/4/2025, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Viết V và bị cáo Tô Hữu Đ1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo các điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng thể hiện.
- Bị hại Trần Võ Nhật S1 yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 15.000.000 đồng.
- Bị hại Võ Thị Diễm M yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 14.333.000 đồng.

- Bị hại Lê Anh K yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 13.000.000 đồng.

- Bị hại Lê Bảo L1 yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 29.000.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Viết V từ 04 năm đến 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Xử phạt bị cáo Tô Hữu Đ1 từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng: đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

- Các bị hại thống nhất với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày tại phiên tòa.

- Tại lời nói sau cùng, các bị cáo trình bày đã nhận thức hành vi của các bị cáo là sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do vậy, các hành vi, các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Căn cứ lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, các kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có cơ sở kết luận như sau:

[2.1] Nguyễn Viết V và Tô Hữu Đ1 có mối quan hệ quen biết, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên V và Đ1 bàn bạc với nhau đi kiếm các phòng trọ có nhiều xe gắn máy để chiếm đoạt xe gắn máy rồi bán lấy tiền tiêu xài. V là người điều khiển xe chở Đ1 đi tìm tài sản để chiếm đoạt và khi tìm được tài sản thì V đứng ngoài cảnh giới còn Đ1 lấy đoạn trực tiếp bẻ khóa để chiếm đoạt xe gắn máy. Sau khi chiếm đoạt được thì V sẽ là người liên hệ bán xe trộm được, số tiền bán được V và Đ1 mỗi người được hưởng 1/2. Trong khoảng thời gian từ giữa tháng

9 đến giữa tháng 10/2024, Nguyễn Viết V và Tô Hữu Đ1 đã thực hiện 06 (sáu) vụ chiếm đoạt tài sản của các bị hại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

[2.1.1] Ngày 16/9/2024, Đ1 gọi điện thoại rủ V đi trộm cắp tài sản thì V đồng ý. Vào khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, V điều khiển xe máy hiệu Jupiter màu xám, gắn biển số giả 61G1-XX đến đầu hẻm C khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương đón Đường, sau đó V chở Đ1 qua nhiều tuyến đường để tìm kiếm tài sản chiếm đoạt. Khi đến nhà trọ số I Đường số D, Khu phố B, phường H, thành phố T6, Thành phố Hồ Chí Minh, thấy cửa nhà trọ mở, V đứng ngoài cảnh giới, còn Đ1 vào trong lấy trộm xe máy hiệu Honda Future Fi 125, màu xanh đen, biển số 76E1-XX của anh Nguyễn Tuấn T1, rồi cả hai tẩu thoát. Sau đó, V gọi điện thoại cho N (không rõ lai lịch) bán xe với giá 5.000.000 đồng, V và Đ1 chia nhau mỗi người 2.500.000 đồng. Qua định giá, chiếc xe mô tô hiệu Honda Future Fi 125 màu xanh đen, biển số 76E1-XX, trị giá 22.167.000 đồng.

[2.1.2] Vào khoảng 05 giờ sáng ngày 24/9/2024, V điều khiển xe Honda Blade màu đen, gắn biển số 70K1-OO đến nhà của Đ1 để chở Đ1 đi trộm cắp tài sản. Khi đi đến nhà trọ địa chỉ 5 N, Phường E, quận G thì thấy anh Nguyễn Quang T3 và anh Nguyễn Đăng Minh T4 đang dắt xe ra để đi học, V điều khiển xe chở Đ1 tới và Đ1 nói “*Để anh đóng cửa cho*”, nghĩ là người ở trong khu nhà trọ nên anh T3 và anh T4 để cửa rồi đi học. Lúc này, V đứng bên ngoài cảnh giới còn Đ1 đi bộ vào trong chiếm đoạt xe gắn máy hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen, biển số 77C1-UUU của anh Trần Võ Nhựt S1, dắt ra ngoài, rồi cả hai tẩu thoát. Sau đó, V gọi điện thoại cho N (không rõ lai lịch), bán xe 77C1-UUU giá 4.000.000 đồng và V, Đ1 mỗi người chia nhau 2.000.000 đồng. Qua định giá, chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave RSX FI, biển số 77C1-UUU, trị giá 15.766.677 đồng.

[2.1.3] Vào khoảng 05 giờ 30 phút sáng cùng ngày 24/9/2024, V và Đ1 tiếp tục quay lại khu vực nhà trọ địa chỉ E N, Phường E, quận G, thấy cửa nhà trọ mở nên V chạy thẳng vào trong thì thấy chị Nguyễn Ngọc Minh N1 đang dắt xe ra đi học, nghĩ rằng V và Đ1 là người trong khu nhà trọ nên chị N1 không đóng cửa nhà trọ mà đi học luôn. Lúc này V quay đầu xe ra trước, còn Đ1 đi bộ vào khu vực để xe của khu nhà trọ dùng đoạn bẻ khóa cổ xe gắn máy hiệu Honda Wave màu đỏ, biển số 70D1-PP của chị Võ Thị Diễm M, dắt xe ra ngoài rồi cả hai tẩu thoát. Sau khi lấy trộm xong, V gọi điện thoại cho N (không rõ nhân thân, lai lịch) bán xe 70D1-PP giá 6.000.000 đồng, V và Đ1 chia nhau mỗi người 3.000.000 đồng. Qua định giá, chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave màu đỏ, biển số 70D1-PP trị giá 14.333.333 đồng.

[2.1.4] Khoảng 06 giờ 20 phút cùng ngày 24/9/2024, sau khi bán xe Honda Wave biển số 70D1-PP, V rủ Đ1 tiếp tục đi trộm xe và khi đến trước địa chỉ D đường Đ, Phường A, quận B thì thấy cửa nhà trọ mở, chị Tạ Thị H2 đang dắt xe

máy ra đi làm, thì V chạy xe tới, Đ1 nói “*Để anh đóng cửa cho*”, nghĩ rằng V và Đ1 là người ở chung nhà trọ nên chị H2 không đóng cửa. Lúc này V đứng ngoài cảnh giới, còn Đ1 đi vào dùng đoản bẻ khóa cổ xe, lấy trộm xe gắn máy hiệu Honda Blade màu đỏ đen, biển số 59S3-RR của chị Trần Thùy D rồi tẩu thoát. Sau đó, V gọi điện cho N (không rõ lai lịch) thỏa thuận bán xe 59S3-RR với giá 4.000.000 đồng, V và Đ1 mỗi người chia nhau 2.000.000 đồng. Qua định giá, chiếc xe mô tô hiệu Honda Blade, biển số 59S3-RR trị giá 11.000.000 đồng.

[2.1.5] Khoảng 18 giờ 50 phút ngày 12/10/2024, Đ1 rủ V đi trộm xe thì V đồng ý. V điều khiển xe hiệu Honda Air Blade, (gắn biển số giả, không rõ biển số) chở Đ1 ngồi sau đi tìm nhà trọ sơ hở để trộm xe. Khi đến nhà trọ địa chỉ 6 Đ, Phường A, quận B, thấy cửa mở, chị Lý Nguyễn Mỹ N2 cùng anh Lê Anh K đang đứng trước cửa thì V chạy xe tới, Đ1 nói “*Để anh đóng cửa cho*”, nghĩ rằng V và Đ1 là người ở nhà trọ nên N2 không đóng cửa. Lúc này, V đứng ngoài cảnh giới, còn Đ1 vào trong lấy trộm xe máy hiệu Honda Wave Alpha màu xanh, biển số 59X3-QQ của anh Lê Anh K rồi tẩu thoát. Sau khi trộm được xe, V gọi điện thoại cho N (không rõ lai lịch) bán xe máy 59X3-QQ với giá 4.000.000 đồng, Đ1 và V mỗi người chia nhau 2.000.000 đồng. Qua xác minh, chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha màu xanh, biển số 59X3-QQ trị giá 13.000.000 đồng.

[2.1.6] Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 13/10/2024, V điều khiển xe Honda Vision màu xám (không nhớ biển số) đến nhà trọ đón Đ1 đi tìm nhà trọ có tài sản sơ hở chiếm đoạt. Khi đến địa chỉ 4 X, Phường B, quận B thì thấy cửa mở, ông Nguyễn Văn B1 đi làm về, đang đóng cửa nhà trọ, thì V chạy xe tới, Đ1 nói “*Để cháu đóng cửa cho*”, nghĩ rằng V và Đ1 là người trong nhà trọ nên ông B1 không đóng cửa mà lên phòng nghỉ ngơi. Lúc này, V đứng ngoài cảnh giới, còn Đ1 vào trong nhưng sau đó Đ1 lại đi ra đổi chỗ để V vào lấy trộm xe máy hiệu Honda Vario màu đen, biển số 67K1-YY của anh Lê Bảo L1, dắt ra ngoài để Đ1 chạy, rồi cả hai tẩu thoát. Sau đó, V gọi điện thoại cho N (không rõ lai lịch) bán xe 67K1-YY với giá 7.000.000 đồng, chia nhau mỗi người 3.500.000 đồng. Qua định giá chiếc xe mô tô hiệu Honda Vario màu đen, biển số 67K1-YY trị giá 29.000.000 đồng.

[2.2] Như vậy, tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Viết V và Tô Hữu Đ1 đã chiếm đoạt là 105.267.000 đồng.

[2.3] Với các hành vi và kết quả định giá nêu trên đã đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Viết V và bị cáo Tô Hữu Đ1 phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo các điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân, được pháp luật hình sự bảo vệ, hành vi này đã gây mất trật tự trị an

của xã hội nên cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm mới bảo đảm tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội. Nhưng khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử còn xem xét đến tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, vai trò, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của từng bị cáo.

[3.1] Về vai trò: trong vụ án này, bị cáo V là người chở bị cáo Đ1 đi tìm tài sản để trộm cắp và khi có tài sản thì bị cáo Đ1 là người trực tiếp chiếm đoạt, còn bị cáo V là người cảnh giới, sau khi chiếm đoạt được tài sản thì bị cáo V là người gọi điện thoại cho đối tượng N để bán xe, số tiền thu được mỗi bị cáo được hưởng $\frac{1}{2}$ nên các bị cáo đều là người thực hành, đồng phạm về hành vi trộm cắp tài sản nhưng là đồng phạm giản đơn và các bị cáo có vai trò ngang nhau.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Trong vụ án này các bị cáo đã 06 lần chiếm đoạt xe máy của các bị hại, nhưng tình tiết này đã được dùng để làm tình tiết định khung “có tính chất chuyên nghiệp” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên”.

- Đối với bị cáo Tô Hữu Đ1 có 01 tiền án chưa được xoá án tích, nay lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “tái phạm”, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bản thân các bị cáo đều có con nhỏ nên cũng cho các bị cáo được hưởng tình các tiết này là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Riêng bị cáo Nguyễn Viết V đã tác động gia đình nộp số tiền 25.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, nhưng so sánh với tổng số tiền mà hai bị cáo phải bồi thường cho các bị hại là 105.267.000 đồng nên trong trường hợp này vẫn chưa đủ để cho bị cáo V được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, tuy vậy cũng nên cho bị cáo V được hưởng tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3.4] Về nhân thân: các bị cáo có nhân thân xấu như đã nêu ở phần lý lịch.

[4] Với hành vi phạm tội, vai trò, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo như đã nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần có

hình phạt tù có thời hạn nằm trong khung hình phạt đã truy tố mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để chấp nhận lời trình bày của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

[6.1] Các xe gắn máy mà các bị cáo chiếm đoạt không thu hồi được để trả lại cho các bị hại nên cần buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường giá trị xe cho các bị hại, cụ thể như sau:

- Bị cáo V và bị cáo Đ1 liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Tuấn T1 số tiền 22.000.000 đồng, trong đó trách nhiệm bồi thường theo phần của mỗi bị cáo là 11.000.000 đồng.

- Bị cáo V và bị cáo Đ1 liên đới bồi thường cho anh Trần Võ Nhựt S1 số tiền 15.000.000 đồng, trong đó trách nhiệm bồi thường theo phần của mỗi bị cáo là 7.500.000 đồng.

- Bị cáo V và bị cáo Đ1 liên đới bồi thường cho chị Võ Thị Diễm M số tiền 14.333.000 đồng, trong đó trách nhiệm bồi thường theo phần của mỗi bị cáo là 7.166.666 đồng.

- Bị cáo V và bị cáo Đ1 liên đới bồi thường cho ông Lê Anh K số tiền 13.000.000 đồng, trong đó trách nhiệm bồi thường theo phần của mỗi bị cáo là 6.500.000 đồng.

- Bị cáo V và bị cáo Đ1 liên đới bồi thường cho anh Lê Bảo L1 số tiền 29.000.000 đồng, trong đó trách nhiệm bồi thường theo phần của mỗi bị cáo là 14.500.000 đồng.

- Đối với chiếc xe máy hiệu Honda Blade, biển số 59S3-RR là xe do bà Trần Thị Ngọc M2 đứng tên, đến khoảng tháng 10/2023 bán lại cho cửa hàng xe máy Thanh Hoàng, do ông Trần Thanh H3 làm chủ với giá 11.000.000 đồng, sau đó, ông H3 bán cho anh Trần Đăng Q1 với giá 12.500.000 đồng và ông Q1 giao xe cho em gái là Trần Thùy D sử dụng. Ngày 24/9/2024, các bị cáo đã chiếm đoạt xe này, sau đó bà Tạ Thị H2 và ông Lê Văn T2 (chủ nhà trọ) tự nguyện hỗ trợ trước cho bà D số tiền 13.000.000 đồng, trong đó mỗi người là 6.500.000 đồng, để bà D mua xe máy mới. Nay bà D và bà H2 có đơn yêu cầu các bị cáo bồi thường cho bà H2 số tiền 6.000.000 đồng. Riêng ông T2 không yêu cầu gì. Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 6.000.000 đồng cho bà H2, nên Hội đồng xét xử ghi nhận và buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bà H2 số tiền 6.000.000 đồng, trong đó trách nhiệm bồi thường theo phần của mỗi bị cáo là 3.000.000 đồng.

[6.2] Trong quá trình chuẩn bị xét xử, gia đình bị cáo Nguyễn Viết V đã nộp số tiền 25.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh để bồi thường cho phần nghĩa vụ của bị cáo V. Như đã nêu ở trên thì phần

nghĩa vụ mà bị cáo V phải bồi thường cho tất cả các bị hại/người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 49.666.500 đồng, nên cần tính tỷ lệ bồi thường theo phần để từ đó trích số tiền tương ứng trong số tiền 25.000.000 đồng mà gia đình bị cáo V đã nộp để trả cho mỗi bị hại/người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Cụ thể như sau:

- Số tiền bồi thường theo phần mà bị cáo V phải thi hành cho bị hại Nguyễn Tuấn T1 là 11.000.000 đồng nên chiếm khoảng 22,2%, nên số tiền cần trích để trả cho anh T1 là: $25.000.000 \text{ đồng} \times 22,2\% = 5.550.000 \text{ đồng}$. Sau khi trích và trả cho anh T1 thì trách nhiệm theo phần mà bị cáo V còn phải bồi thường cho anh T1 là 5.450.000 đồng.

- Tương tự như trên, số tiền cần trích để trả cho bị hại/người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là:

+ $25.000.000 \text{ đồng} \times 15,1\% = 3.775.000 \text{ đồng}$ để trả cho ông Trần Võ Nhựt S1. Sau khi trích và trả cho anh S1 thì trách nhiệm theo phần mà bị cáo V còn phải bồi thường cho anh S1 là 3.725.000 đồng.

+ $25.000.000 \text{ đồng} \times 14,4\% = 3.600.000 \text{ đồng}$ để trả cho chị Võ Thị Diễm M. Sau khi trích và trả cho chị M thì trách nhiệm theo phần mà bị cáo V còn phải bồi thường cho chị M là 3.566.666 đồng.

+ $25.000.000 \text{ đồng} \times 13,1\% = 3.275.000 \text{ đồng}$ để trả cho anh Lê Anh K. Sau khi trích và trả cho anh K thì trách nhiệm theo phần mà bị cáo V còn phải bồi thường cho anh K là 3.225.000 đồng.

+ $25.000.000 \text{ đồng} \times 29,2\% = 7.300.000 \text{ đồng}$ để trả cho anh Lê Bảo L1. Sau khi trích và trả cho anh L1 thì trách nhiệm theo phần mà bị cáo V còn phải bồi thường cho anh L1 là 7.200.000 đồng.

+ $25.000.000 \text{ đồng} \times 6\% = 1.500.000 \text{ đồng}$ để trả cho chị Tạ Thị H2. Sau khi trích và trả cho chị H2 thì trách nhiệm theo phần mà bị cáo V còn phải bồi thường cho chị H2 là 1.500.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng:

[7.1] Đối với 01 điện thoại di động mobell màu xanh thu giữ của bị cáo V; 01 điện thoại di động hiệu Forme màu đen, bên trong chứa sim số 0921201686 thu giữ của bị cáo Đ1: các bị cáo khai nhận đã sử dụng 02 điện thoại này để liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[7.2] Đối với 01 điện thoại di động Iphone 15 Promax màu đen thu giữ của bị cáo V: bị cáo khai nhận đây là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo V, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành nghĩa vụ của bị cáo V trong vụ án này.

[7.3] Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu xám; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu vàng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone

13 Promax màu xanh, bị bể màn hình sau là đồ vật thu giữ của bà Hoàng Thị H4 (vợ của bị cáo Đ1): bà H4 cho biết đây là tài sản cá nhân của bà H4, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại các tài sản này cho bà H4.

[7.4] Đối với 01 xe máy hiệu Yamaha Jupiter màu xám đen biển số: 89F1-YY; Số khung: RLCUE1370NY005618, số máy: E3S1E-153431 thu của bị cáo V: kết quả giám định số khung, số máy nguyên thủy. Quá trình điều tra V khai nhận mượn xe này của Lê Hữu Đ2, khi đi trộm cắp, V gắn biển số 61G1-387.10. Kết quả xác minh xe biển số: 89F1-YY do ông Phạm Văn V1 đứng tên thay ông Phạm Đình V2, ông V2 đã bán xe trên cho cửa hàng X tại thành phố D, tỉnh Bình Dương. Lê Hữu Đ2 mua lại từ cửa hàng xe máy Thanh Đ với giá 20.000.000 đồng (có hóa đơn nhưng chưa làm thủ tục sang tên). Khi ông Đ2 cho V mượn xe để sử dụng, V không nói mục đích sử dụng xe đi trộm cắp tài sản cho ông Đ2 biết. Đối với biển số 61G1-38710 qua xác minh được cấp cho xe máy hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, số khung RLCS5C6K0DY131240, số máy 5C6K131255 do chị Phạm Thị D2 đứng tên, chị D2 khai đã bán xe máy trên cho một cửa hàng xe máy trên địa bàn thành phố B, tỉnh Bình Dương. Xét thấy, xe máy hiệu Yamaha Jupiter màu xám đen, biển số: 89F1-YY là tài sản của ông Lê Hữu Đ2 nên trả lại cho ông Đ2.

[7.5] Đối với 01 xe máy hiệu Blade biển số: 85D1-II, số khung: RLHJA3681NY011551, số máy: JA36E-1094801 thu giữ của bị cáo V: kết quả giám định số khung, số máy nguyên thủy. Qua xác minh xe này do anh Phan Tuấn V3 đứng tên chủ sở hữu thay cho em họ là Nguyễn Văn B1, anh B1 đã bán xe máy này cho cửa hàng xe máy ở thành phố D, tỉnh Bình Dương, hiện không nhớ thông tin cửa hàng, không còn giữ giấy tờ mua bán. Về phía bị cáo V khai mua lại chiếc xe này của Nguyễn Vĩnh L2, sau đó dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Theo kết quả làm việc với ông L2, ông khai chiếc xe trên do ông mua trả góp của cửa hàng Q2, thành phố D, tỉnh Bình Dương (đã trả góp được 10.000.000 đồng) sau đó bán lại cho V; chủ cửa hàng Q2 khai không nhớ có bán xe máy trên cho L2 hay không, không còn lưu giấy tờ mua bán xe. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an T5 đã đăng báo Công an Thành phố T5 để tìm chủ sở hữu, nhưng đến nay chưa có ai đến làm việc. Đối với biển số 70K1-TT, qua xác minh biển số này được cấp cho xe máy Honda Vision màu trắng, số khung RLHJF5803EY623416, số máy JF58E0509223 do chị Nguyễn Thị Thùy D3 đứng tên, chị D3 vẫn đang sử dụng xe này. Xét thấy bị cáo V dùng xe máy hiệu Blade biển số: 85D1-EE, số khung: RLHJA3681NY011551, số máy: JA36E-1094801 làm phương tiện phạm tội nên tiếp tục đăng thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 12 tháng để tìm chủ sở hữu, nếu hết thời hạn này mà không có ai chứng minh được quyền sở hữu thì tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[7.6] Đối với 01 xe gắn máy hiệu Honda Blade màu đỏ đen bạc, biển số 37K2-SS, số khung: RLHKF4104NZ106953, số máy: KF41E0200008 thu giữ

của bị cáo V: kết quả giám định số khung, số máy nguyên thủy. Qua xác minh xe này do bị cáo V đứng tên, V khai khi sử dụng xe này đi trộm cắp tài sản, V gắn biển số giả, sau khi trộm xong đã vứt bỏ biển số giả. Xét thấy đây là phương tiện bị cáo sử dụng để phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[7.7] Đối với 01 xe máy hiệu Vision biển số 61C2-GG, số khung: RLHJK032XMZ075561, số máy: JK03E-7580929 thu giữ của bị cáo V: Qua xác minh xe này do bà Trần Thị Cẩm D1 đứng tên. Tuy nhiên, bà D1 không có mặt tại nơi thường trú, không rõ đang ở đâu. Nguyễn Viết V khai xe máy này là của em ruột của V tên Nguyễn Ngọc M1 giao cho V sử dụng. Về phía bà Nguyễn Ngọc M1 cho biết bà mua xe máy biển số: 61C2-GG của một người đàn ông (không còn lưu thông tin, lai lịch) tại tỉnh Bình Dương vào tháng 5/2022 với giá khoảng 20.000.000 đồng, chưa làm thủ tục sang tên, đến tháng 2/2023 bà M1 về quê sinh sống nên đã để lại xe máy trên cho bị cáo V sử dụng, bà M1 không biết V sử dụng xe đi trộm cắp tài sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố T5 đã đăng báo nhưng đến nay bà D1 hoặc chủ sở hữu xe chưa đến làm việc. Xét thấy đây là tài sản cá nhân của bà Nguyễn Ngọc M1 nên trả lại cho bà M1 chiếc xe này.

[7.8] Đối với 01 xe gắn máy hiệu Honda Wave RSX màu đen, không gắn biển số, số khung: RLHJA3881RY022763, số máy: JA53E-0056272 thu giữ của bị cáo Đ1: kết quả giám định số khung, số máy nguyên thủy. Qua xác minh xe này được cấp biển số 37N1-HH, do ông Nguyễn Vĩnh L2 đứng tên sở hữu, ông L2 trình bày mua xe máy này tại cửa hàng Q2, D, tỉnh Bình Dương, mới trả góp được 10.000.000 đồng và gửi xe ở nhà bị cáo V, sau đó V gửi xe ở nhà bị cáo Đ1 và bị thu giữ. Xét chiếc xe này không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại xe cho ông L2.

[7.9] Đối với các đồ vật bao gồm: 01 áo khoác dài tay màu đen, cánh tay có 02 sọc trắng; 01 áo khoác dài tay màu đen, có chữ CADO; 01 áo mưa cánh dơi màu xanh đen; 01 áo mưa cánh dơi màu hồng, phía sau in chữ A; 02 nón bảo hiểm màu đen; 01 nón màu xanh đen; 01 nón bảo hiểm màu xanh; 01 nón bảo hiểm màu đen; 01 đôi dép kẹp, trên quai có chữ Sport màu trắng; 01 áo thun tay ngắn, cổ tròn màu trắng có hoa văn màu đen; 01 quần Jean màu đen thu giữ của các bị cáo: xét thấy không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: các bị cáo, các bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: bị cáo **Tô Hữu Đ1** 05 (năm) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2024.

2. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Viết V** 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2024.

2. Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2021; Căn cứ các Điều 584; 585; 588; 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

2.1 Buộc Nguyễn Viết V và Tô Hữu Đ1 phải liên đới bồi thường ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật như sau:

2.1.1 Buộc bị cáo Nguyễn Viết V và bị cáo Tô Hữu Đ1 phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Tuấn T1 số tiền 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng), trong đó trách nhiệm bồi thường theo phần của mỗi bị cáo là 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng).

Trích ngay số tiền 5.550.000 đồng (năm triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng), trong số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0015691 ngày 20/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh để trả cho anh Nguyễn Tuấn T1 và căn trừ vào trách nhiệm bồi thường theo phần của bị cáo V. Sau khi trích và trả số tiền nêu trên thì trách nhiệm theo phần mà bị cáo V còn phải bồi thường cho anh T1 là 5.450.000 đồng (năm triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

2.1.2 Buộc bị cáo Nguyễn Viết V và bị cáo Tô Hữu Đ1 phải liên đới bồi thường cho anh Trần Võ Nhựt S1 số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), trong đó trách nhiệm bồi thường theo phần của mỗi bị cáo là 7.500.000 đồng (bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

Trích ngay số tiền 3.775.000 đồng (ba triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn), trong số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0015691 ngày 20/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh để trả cho anh Trần Võ Nhựt S1 và căn trừ vào trách nhiệm bồi thường theo phần của bị cáo V. Sau khi trích và trả số tiền nêu trên thì trách nhiệm theo phần mà bị cáo V còn phải bồi thường cho anh S1 là 3.725.000 đồng (ba triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

2.1.3 Buộc bị cáo Nguyễn Viết V và bị cáo Tô Hữu Đ1 phải liên đới bồi thường cho chị Võ Thị Diễm M số tiền 14.333.000 đồng (mười bốn triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn đồng), trong đó trách nhiệm bồi thường theo phần của

mỗi bị cáo là 7.166.666 đồng (bảy triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Trích ngay số tiền 3.600.000 đồng (ba triệu, sáu trăm nghìn đồng), trong số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0015691 ngày 20/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh để trả cho chị Võ Thị Diễm M và cần trừ vào trách nhiệm bồi thường theo phần của bị cáo V. Sau khi trích và trả số tiền nêu trên thì trách nhiệm theo phần mà bị cáo V còn phải bồi thường cho chị M là 3.566.666 đồng (ba triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

2.1.4 Buộc bị cáo Nguyễn Viết V và bị cáo Tô Hữu Đ1 phải liên đới bồi thường cho anh Lê Anh K số tiền 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng), trong đó trách nhiệm bồi thường theo phần của mỗi bị cáo là 6.500.000 đồng (sáu triệu, năm trăm nghìn đồng).

Trích ngay số tiền 3.275.000 đồng (ba triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), trong số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0015691 ngày 20/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh để trả cho anh Lê Anh K và cần trừ vào trách nhiệm bồi thường theo phần của bị cáo V. Sau khi trích và trả số tiền nêu trên thì trách nhiệm theo phần mà bị cáo V còn phải bồi thường cho anh K là 3.225.000 đồng (ba triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

2.1.5 Buộc bị cáo Nguyễn Viết V và bị cáo Tô Hữu Đ1 phải liên đới bồi thường cho anh Lê Bảo L1 số tiền 29.000.000 đồng (hai mươi chín triệu đồng), trong đó trách nhiệm bồi thường theo phần của mỗi bị cáo là 14.500.000 đồng (mười bốn triệu, năm trăm nghìn đồng).

Trích ngay số tiền 7.300.000 đồng (bảy triệu, ba trăm nghìn đồng), trong số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0015691 ngày 20/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh để trả cho anh Lê Bảo L1 và cần trừ vào trách nhiệm bồi thường theo phần của bị cáo V. Sau khi trích và trả số tiền nêu trên thì trách nhiệm theo phần mà bị cáo V còn phải bồi thường cho anh L1 là 7.200.000 đồng (bảy triệu, hai trăm nghìn đồng).

2.1.6 Buộc bị cáo Nguyễn Viết V và bị cáo Tô Hữu Đ1 phải liên đới bồi thường cho chị Tạ Thị H2 số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng), trong đó trách nhiệm bồi thường theo phần của mỗi bị cáo là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Trích ngay số tiền 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn đồng), trong số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0015691 ngày 20/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh để trả cho chị Tạ Thị H2 và cần trừ vào trách nhiệm bồi thường theo phần của bị cáo V. Sau khi trích và trả số tiền nêu trên thì trách nhiệm theo phần mà bị

cáo V còn phải bồi thường cho chị H2 là 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn đồng).

2.2 Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu người có nghĩa vụ thi hành án chưa thực hiện nghĩa vụ nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.3 Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2.4 Trả lại cho ông Lê Hữu Đ2 01 (một) xe hai bánh gắn máy màu xám đen, nhãn hiệu: Yamaha, số loại: Jupiter, dung tích xi lanh: 113, BS: 89F1-YY; SK: RLCUE1370NY005618, SM: E3S1E-153431 (*không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra được*).

2.5 Trả lại cho ông Nguyễn Vĩnh L2 01 (một) xe hai bánh gắn máy màu đen, hiệu Honda, số loại: Wave RSX, dung tích xi lanh: 109,2, BS: không gắn biển số, SK: RLHJA3881RY022763, SM: JA53E-0056272 (*không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra được*).

2.6 Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 12 (mười hai) tháng để tìm chủ sở hữu đối với 01 (một) xe hai bánh gắn máy nhãn hiệu: Honda, số loại: Blade, dung tích xi lanh: 109, BS: 85D1-700.98, SK: RLHJA3681NY011551, SM: JA36E-1094801 (*không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra được*). Nếu hết thời hạn này mà không có ai chứng minh được quyền sở hữu thì tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với chiếc xe nêu trên.

2.7 Trả lại cho bà Nguyễn Ngọc M1 01 (một) xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu: Honda, số loại: Vision, dung tích xi lanh: 109,5, BS: 61C2-123.95, SK: RLHJK032XMZ075561, SM: JK03E-7580929 (*không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra được*).

2.8 Trả lại cho Nguyễn Viết V 01 (một) điện thoại di động Iphone 15 Promax màu đen (*thực nhận 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone màu đen, không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong*), nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành nghĩa vụ của bị cáo V trong vụ án này.

2. 9 Trả lại cho bà Hoàng Thị H4 các tài sản sau đây:

2.9.1 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu xám, Imei: 356732114521857 (*thực nhận 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone màu xám, Imel khay sim: 356732114521857, không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong*);

2.9.2 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu vàng, Imel: 353272070101868 (*thực nhận 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng, mặt kính bể, không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong*);

2.9.3 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax màu xanh, Imei 1: 354786257983748, Imei 2: 354786258487087, bể mặt sau (*thực nhận 01 điện thoại di động kiểu dáng hiệu Iphone màu xanh, bể mặt sau, Imel khay sim: 354786257983748, không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong*).

2.10 Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với các tài sản sau đây:

2.8.1 01 (một) xe hai bánh gắn máy hiệu Honda Blade màu đỏ đen bạc, nhãn hiệu: Honda, số loại: Airblade, dung tích xi lanh: 149,3, BS: 37K2-603.89, SK: RLHKF4104NZ106953, SM: KF41E0200008 (*không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra được*);

2.8.2 01 (một) điện thoại di động mobell màu xanh (*không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong*);

2.8.3 01 (một) điện thoại di động hiệu Forme màu đen, bên trong chứa sim số 0921201686 (*không kiểm tra được đời máy, I, sim số do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong*);

2.9 Tịch thu tiêu hủy đối với các đồ vật sau đây : 01 (một) áo khoác dài tay màu đen, cánh tay có 02 sọc trắng; 01 (một) áo khoác dài tay màu đen, có chữ CADO; 01 (một) áo mưa cánh dơi màu xanh đen; 01 (một) áo mưa cánh dơi màu hồng, phía sau in chữ A; 02 (hai) nón bảo hiểm màu đen; 01 (một) nón màu xanh đen; 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh; 01 (một) nón bảo hiểm màu đen; 01 (một) đôi dép kẹp, trên quai có chữ Sport màu trắng; 01 (một) áo thun tay ngắn, cổ tròn màu trắng có hoa văn màu đen; 01 (một) quần Jean màu đen.

(*Tang vật nêu trên được liệt kê theo Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2025/372 ngày 16/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh*).

3. Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án;

3.1 Án phí hình sự sơ thẩm: mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

3.2 Ân phí dân sự sơ thẩm:

3.2.1 Bị cáo Tô Hữu Đ1 phải nộp 2.483.325 đồng (hai triệu, bốn trăm tám mươi ba nghìn, ba trăm hai mươi lăm đồng).

3.2.2 Bị cáo Nguyễn Viết V phải nộp 1.233.325 đồng (một triệu, hai trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm hai mươi lăm đồng).

4. Căn cứ khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021;

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản sao bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị cáo; (2)
- Bị hại; (6)
- Người có QL,NVLQ; (6)
- THAHS; (1)
- P. PC 53 - CA TP.HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (30) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Ngọc Thắng